

TƯ LIỆU

VIỆT NAM QUỐC VƯƠNG NGUYỄN PHÚC ÁNH KHIẾN SỬ NHẬP CÔNG THANH ĐÌNH KHẢO^(*) (Tiếp theo)

Nguyên tác: Trang Cát Phát

Người dịch: Nguyễn Duy Chính

LTS: Tài liệu này được trích từ tác phẩm *Thanh sử luận tập* của Trang Cát Phát, một chuyên gia của Đài Loan về nhà Thanh. Tuy có một số dữ liệu sai lầm, tài liệu này vẫn có giá trị tham khảo rất tốt vì nó cung cấp nhiều chi tiết về cuộc chiến Tây Sơn - Nguyễn được ghi chép trong chính sử Trung Hoa. Cũng qua tài liệu này, người đọc có thể nhận ra một điều: hầu hết các học giả Trung Hoa, dù ở đảo quốc hay đại lục thì đều nhìn lịch sử theo lăng kính chủ quan của họ. Ở giai đoạn lịch sử đang xét, các học giả Trung Hoa tìm đủ mọi cách để biện giải cho nhà Thanh theo hướng nêu cao đạo lý của "thiên triều", nhưng thực tế lại không hoàn toàn như vậy. Việc từ bỏ nhà Lê, công nhận Tây Sơn, rồi từ bỏ Tây Sơn, công nhận nhà Nguyễn thực chất đều vì quyền lợi của Thanh triều, những chiêu bài bên ngoài chỉ che đậy dã tâm của họ. Trong phần trước (xem tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 6 (140).2017) tác giả đã trình bày các nội dung chính: Tân Nguyễn nổi lên và việc Cựu Nguyễn mất nước; Nguyễn Văn Huệ 3 lần đánh Thăng Long và triều Lê diệt vong; Nguyễn Quang Toản nổi ngôi và thái độ Thanh đình thay đổi.

NGUYỄN PHÚC ÁNH LẤY LẠI NƯỚC VÀ NGUYỄN QUANG TOẢN BẠI VONG

Nguyễn Phúc Ánh sau khi lưu vong ở Xiêm La nhưng vẫn trì chí khôi phục đất cũ, ngày đêm trông ngóng quân Pháp viện trợ. Tháng Bảy năm Càn Long 52 (1787), Nguyễn Phúc Ánh từ Xiêm La trở về nước. Bá Đa Lộc dắt con lớn của Nguyễn Phúc Ánh đến nước Pháp, thuyết phục vua Pháp trợ giúp Nguyễn Phúc Ánh lấy lại nước dùng đất An Nam làm căn cứ để tranh thủ với nước Anh.⁽²⁰⁾

Tháng Sáu năm Càn Long 54 (1789), con trưởng của Nguyễn Phúc Ánh là Cảnh quay về An Nam sau khi ký kết hiệp ước với nước Pháp. Nguyễn Phúc Ánh chiêu binh tập lính, tích cực chuẩn bị lại mua thêm binh khí Tây phương, chế tạo các loại chiến thuyền, mở cửa thông thương, trù biện lương hướng, lại nhờ quan quân Tây dương huấn luyện thủy sư chờ cơ hội tiến đánh.

Tháng Tư năm Càn Long 58 (1793), Nguyễn Phúc Ánh đem quân vây đánh thành Quy Nhơn, Nguyễn Văn Nhạc không chống nổi nên tháng Tám năm đó sai người đến Phú Xuân cáo cấp, Nguyễn Quang Toản sai Thái úy Nguyễn Văn Hưng

* Nguồn: Trang Cát Phát (莊吉發), 越南國王阮福映遣使入貢清廷考, *Thanh sử luận tập* (清史論集), Văn Sử Triết xuất bản xã, Trung Hoa Dân quốc năm thứ 87 (1998), Tập 3, trang 235-260.

đem hơn 17.000 quân bộ và 80 con voi vào cứu viện, binh thế mạnh mẽ, Nguyễn Phúc Ánh sợ hai mặt trước sau đều bị tấn công nên rút về Gia Định.

Nguyễn Văn Nhạc chết, con là Nguyễn Văn Bảo cùng với Nguyễn Quang Toàn hai bên nghi kỵ nhau, không thể dung được, trong nội bộ Nguyễn Quang Toàn lại có tranh chấp, tình hình bất ổn. Thái sư Bùi Đắc Tuyên là cậu của Nguyễn Quang Toàn từng nhận được di chiếu làm phụ chính, tùy tiện sinh sát, tiếng oán thán khắp nơi. Tháng Năm năm Càn Long 60 (1795) y bị Tư khấu Vũ Văn Dũng giết, các tướng chia thành phe đảng giết lẫn nhau, cựu thần, tướng giỏi phần nhiều bị tru lục, Nguyễn Quang Toàn không ước thúc nổi, lòng người càng lúc càng ly tán. Tháng Bảy năm đó, Nguyễn Phúc Ánh thừa cơ lấy được thành Diên Khánh.

Gia Khánh nguyên niên (1796), Nguyễn Phúc Ánh nghe lời Khâm sai đô thông chiêu thảo sứ là Đỗ Văn Trung (杜文徵) nên tấn công Quảng Nam trước để chiếm lấy địa lợi, cắt đứt đường tiếp viện của Quy Nhơn.

Tháng Hai năm Gia Khánh 4 (1799), Nguyễn Phúc Ánh sai sứ sang Xiêm La mượn binh, xin điều động Chân Lạp và Vạn Tượng theo đường thượng đạo đánh vào Nghệ An để trợ thanh thế khiến cho Nguyễn Quang Toàn trước sau đều thụ địch không thể mưu tính chuyện gì khác.

Tháng Ba năm đó, Nguyễn Phúc Ánh lại đem đại quân tiến đánh Quy Nhơn, trong thành binh ít lương thực hết nên đến tháng Sáu năm đó lấy được thành, đổi tên thành Bình Định.

Tháng Năm năm Gia Khánh 5 (1800), lấy được đồn Hội An. Tháng Sáu, Thượng đạo tướng quân là Nguyễn Văn Thụy (阮文瑞) đem quân Vạn Tượng tiến đánh Nghệ An.

Tháng Giêng năm Gia Khánh 6 (1801), thủy quân Nguyễn Quang Toàn bị đánh bại ở cửa biển Thi Nai. Tháng Ba, liên tiếp lấy được Trà Khúc, Phú Chiêm, hai bên thủy lục cùng tiến lên thu phục kinh đô cũ nên đến tháng Năm đã đến Phú Xuân, Nguyễn Quang Toàn bỏ thành chạy lên Thăng Long ở phía bắc.

Nguyễn Phúc Ánh vào thành, tra ra được 13 ấn tín, 33 đạo sắc thư.^(*) Nguyễn Phúc Ánh sai Lê Chất đem bộ binh đuổi theo Nguyễn Quang Toàn, lại sức hai phủ Triệu Phong, Quảng Bình sẽ thưởng cho ai bắt được đồng đảng của Nguyễn Quang Toàn và tìm bắt được anh em của Nguyễn Quang Toàn là Nguyễn Quang Cương, Nguyễn Quang Tự, Nguyễn Quang Điện.

Thanh đình tuy đã mất sức chú ý theo dõi nội tình An Nam thay đổi như thế nào nhưng cũng chỉ đứng xa để chờ thái độ. Năm Gia Khánh 4, khi Nguyễn Phúc

* Túc văn thư nhà Thanh gửi sang nước ta đòi Tây Sơn. NDC.

Ánh đánh Quy Nhơn, có bọn Nguyễn Hựu Định (阮祐定) vì bị bão thổi vào vùng biển đất Việt [tức Quảng Đông]⁽²¹⁾ xin được cấp cho lương thực trả về Gia Định. Tổng đốc Lương Quảng Cát Khánh cũng vỗ về rồi thả cho về An Nam.

Tháng Hai năm Gia Khánh 6 (1801), người dân ở huyện Thuận Đức, Quảng Đông là Triệu Đại Nhậm (趙大任) nhận bài chiếu (giấy phép) đến Nhai Châu buôn bán, bị gió thổi đến Hội An. Nguyễn Phúc Ánh sai người cho gọi Triệu Đại Nhậm đến Phú Xuân, cho người sửa lại thuyền, cấp cho lương thực. Tháng Bảy năm đó, khi Triệu Đại Nhậm gặp Nguyễn Phúc Ánh ở Phú Xuân, Nguyễn Phúc Ánh giao cho cầm văn ra lệnh đem về Quảng Đông.

Trong tờ bẩm đó ngoài việc cảm tạ Tổng đốc Lương Quảng đã thưởng cấp cho Nguyễn Hựu Định lương thực ra còn viết: “... *trong tương lai khi việc chinh chiến (金革) đã lui bớt, sẽ lại sai bồi giới đem mọi việc trong nước giải bày để xin giúp cho việc thiên tử quyên cổ được thành tựu.*”⁽²²⁾

Ngày 17 tháng Chín năm đó, Cát Khánh sao lục nguyên bẩm của Nguyễn Phúc Ánh và lời cung khai của Triệu Đại Nhậm trình lên, rồi gửi triệp trong đó viết “*ngoại phiên đánh lẫn nhau không liên quan gì đến nội địa, vốn không hỏi đến, hướng chi An Nam quốc vương Nguyễn Quang Toản trước nay cung thuận, từng thụ ân phong, nay đã di chuyển đến thành Thăng Long. Nay kẻ địch của y là Đồng Nai, tuy đã có bẩm văn gửi đến tỉnh Việt (Quảng Đông - Quảng Tây) trình đệ, bọn thần không tiện gửi trát dụ trả lời để khỏi gây ra chuyện rắc rối. Tra thấy Đồng Nai binh lực mạnh, đã chiếm được Phú Xuân các nơi của An Nam, mai sau nếu lấy được toàn cõi An Nam, sai bồi giới đến đây, bọn thần sẽ xem xét tình hình, tra hỏi cho rõ ràng, rồi sẽ lại tâu lên để cung kính xin hoàng thượng chỉ dạy mà tuân hành. Hiện tại hai bên còn đang tranh đoạt mọi việc chưa xong, chưa nên ngả theo bên nào để thêm sinh chuyện*”.

Nguyễn Phúc Ánh giúp cho Triệu Đại Nhậm trở về nước đệ trình bẩm văn cũng là để tạo thân thiện với đốc phủ, mong được tâu rõ với hoàng đế để được Thanh đình giúp đỡ. Nhân Tông thấy Cát Khánh làm như thế rất đúng nên đã gửi dụ cho Cát Khánh hãy trấn tĩnh, không nên hỏi thêm nữa.

Ngày 20 tháng Một, Cát Khánh theo lời dụ viết thư trả lời Nguyễn Phúc Ánh, đại lược “*năm ngoài cứu giúp nạn dân nước kia, vốn là lệ thường của việc thiên triều vỗ về các nước ngoại di, nên chưa từng tâu lên cho đại hoàng đế thánh giám. Nay người dân Triệu Đại Nhậm bị dạt sang nước ông, chiếu liệu đưa trở về đất Việt, lại có bẩm văn kèm theo, bản bộ đường hết sức cảm tạ sự thành thực. Thế nhưng vì năm trước chưa từng tâu lên việc phủ tuất cứu nạn nên lúc này bẩm từ của nước ông cũng không tiện đưa lên*”.⁽²³⁾

Nói cách khác, việc nội chính của thuộc quốc, thiên triều không tiện hỏi đến nên chỉ sai đốc phủ ra mặt biện lý để coi như vấn đề thuộc địa phương mà thôi.

Định lệ của An Nam hai năm một lần triều cống, bốn năm sai sứ nhập triều một lần, đem cống lễ hai lần gộp một, năm Canh Thân, Gia Khánh 5 (1800) là cống kỳ của An Nam. Trước đây, năm Gia Khánh 4 (1799), Nguyễn Quang Toàn đã cung kính gửi biểu văn tiến cống, sai bồi thần mang tới cửa quan tiến trình cho Tuần phủ Quảng Tây Đài Bố (台布), tuân chỉ *“lần này dự tiến vào lệ cống của năm Canh Thân (1800), giống như lệ cống lần trước, lại tiến cống cả lần năm Nhâm Tuất (1802) cùng một lượt”*. Năm Nhâm Tuất tức là Gia Khánh 7 (1802).

Thế nhưng cứ như Tri phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây là Vương Phủ Đường (王撫棠) bẩm lên thì ngày 13 tháng Chín, Gia Khánh 6, quốc vương An Nam Nguyễn Quang Toàn có đệ lên hai biểu văn tiến cống, hai bản văn trình riêng, trong biểu văn một cái liệt kê cống phẩm và một biểu văn tiến cống năm Giáp Tý (1804). Nguyễn Quang Toàn nói rằng năm Giáp Tý tức Gia Khánh 9 (1804) cách năm Nhâm Tuất cũng không xa nên tâu lên xin được cùng cống một lượt, tờ trình đó chuyển sang cho đốc phủ Lưỡng Quảng hội đồng tâu lên thay, phụng chỉ chuẩn hành.

Tuần phủ Quảng Tây Tạ Khải Côn (謝啟昆) lập tức thông báo cho Nguyễn Quang Toàn khâm tuân biện lý, Nguyễn Quang Toàn trả lời rằng sẽ định vào tháng Năm, năm Gia Khánh 7 (1802) sẽ tới trấn Nam Quan kèm theo là danh sách tên cống sứ và người tùy hành.

Khi đó Tân Châu, Phú Xuân các nơi liên tiếp thất thủ, Thăng Long cũng đang nguy cấp, Nguyễn Quang Toàn mong được giúp đỡ gấp nên dự bị sửa soạn chức cống, bốn lần cống cùng mang một lượt.

Châu Bảo Lạc của An Nam giáp với phủ Trấn An tỉnh Quảng Tây, năm Gia Khánh 5 (1800), cự thần nhà Lê Nông Phúc Liên (農福連) dẫn dân chúng châu Bảo An cùng người trong mỏ thiếc tổng cộng 2.000 người, hưởng ứng lời kêu gọi của Nguyễn Phúc Ánh. Ngày 20 tháng Chín năm Gia Khánh 6 (1801) đánh lấy được trấn Mục Mã rồi chia binh thành ba đường tấn công xuống kinh đô Thăng Long nhà Lê.

Tháng Mười năm đó, Nguyễn Phúc Ánh sai Nguyễn Văn Thành tấn công bảo [thành nhỏ] Chi Lô (紙爐) [Trục Lệ ?], rồi thừa thắng vươn dài đến tận sông Tân An, quay vòng lại nhỏ bảo Hôi Cao (灰窯), Đại đô đốc An Nam là Lê Đình Chính (黎廷正) ra hàng.

Tháng Một, Nguyễn Phúc Ánh hủy mộ của Nguyễn Văn Huệ, bỏ quan tài băm xác, bêu đầu tại chợ, con trai con gái cùng người trong họ, các tướng hiệu hơn 30 người đều bị lăng trì.

Tháng Giêng năm Gia Khánh 7 (1802), Nguyễn Phúc Ánh dời ra Động Hải, quân thủy của Nguyễn Quang Toàn bị đánh tan chạy ra Đông Cao (東臯) rồi vượt Sông Gianh. Tướng là Nguyễn Văn Kiên đem quân ra hàng, Nguyễn Phúc Ánh tiến lên chiếm được bảo Thanh Hà.

Tháng Ba, bắt giết ba người con của Nguyễn Văn Nhạc, đổi phủ Gia Định thành trấn Gia Định, tu bổ xây đắp hoàng thành.

Ngày mùng 1 tháng Năm, làm lễ lên ngôi, lấy niên hiệu là Gia Long, sai Thượng thư Bộ Hộ Trịnh Hoài Đức làm Chánh sứ, Binh Bộ Hữu Tham tri Ngô Nhân Tĩnh, Hình Bộ Hữu Tham tri Hoàng Ngọc Uẩn làm Phó sứ, mang quốc thư và phương vật, lại cầm sắc thư và ấn tín Thanh đình tích phong cho cha con Nguyễn Quang Toàn cùng bọn giặc biển Mạc Quan Phù, Lương Văn Canh, Phan Văn Tài đến Hồ Môn tỉnh Quảng Đông giao lại.

Nguyễn Phúc Ánh dùng hai chữ Gia Long (嘉隆) làm niên hiệu, các sử gia nói mỗi người một cách. Trần Uy Tín trong “Việt Nam quốc danh khảo” (khảo về tên nước Việt Nam) nói là “*khi sứ thần Việt Nam đến Trung Quốc bàn bạc về quốc danh, vua Gia Khánh đã kể vị vua Càn Long nên triều thần nghĩ rằng vua Việt lấy niên hiệu Gia Long có ý dùng tên của hai vua Gia Khánh và Càn Long nên đã trách hỏi sứ thần thì sau đó Việt sứ Lê Quang Định mới giải thích rõ ràng là vua Việt thống nhất đất nước nay từ Gia Định ra tới Thăng Long (nay Hà Nội) nên lấy ý nghĩa thống nhất toàn quốc, triều Nguyễn đổi Long (龍) [là rồng] thành Long (隆) [là hưng thịnh]*”.⁽²⁴⁾

Nói cách khác, định nghĩa cho hai chữ Gia Long ấy là vì đất mà có tên chứ không có ý dùng niên hiệu hai vua Càn Long, Gia Khánh. Có điều Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi lấy niên hiệu ấy là trước khi lấy được Thăng Long, chưa thống nhất toàn quốc. Còn như việc đổi Long (龍) [là rồng] thành Long (隆) [là hưng thịnh] vốn đã có từ các văn thư qua lại với Thanh triều, còn khi Nguyễn Phúc Ánh thống nhất An Nam thì kinh đô nhà Lê tức Hà Nội chữ viết vẫn là Thăng Long 昇龍 (rồng bay).

Theo sách “Việt Nam địa dư đồ thuyết” của Thịnh Khánh Phát (盛慶紱) thì “*Họ Nguyễn Việt Nam lúc mới vào Đồng Nai thì tuyển dân binh hai vùng Gia Định và Vĩnh Long để mưu tính phục quốc được hưởng ứng rất là đắc lực. Khi được nước rồi không quên nơi xuất phát nên đã lấy Gia Long làm niên hiệu*”.⁽²⁵⁾

Thanh sử cảo cũng nói là “*Nguyễn Phúc Ánh được nước do dân chúng từ Gia Định và Vĩnh Long rất đông nên lấy hai tỉnh làm niên hiệu, gọi là Gia Long*”.⁽²⁶⁾ Tỉnh Vĩnh Long tức là trấn Vĩnh Thanh cũ, tây bắc Gia Định, ấy là đất cũ của Sài Gòn, chính là căn cứ địa phục quốc của Nguyễn Phúc Ánh.

Nguyễn Phúc Ánh binh lực cường thịnh nên thắng được vì có người Pháp, Xiêm La, Chân Lạp, Vạn Tượng các nước giúp đỡ, Nguyễn Quang Toàn binh nhỏ

tướng ít, đánh đầu thua đó nên sai sứ cầu viện Thanh đình nhưng thái độ Thanh Nhân Tông lãnh đạm, từng dụ cho đốc phủ Lương Quảng là “*man xúc tranh nhau có liên quan gì đến Trung Quốc đâu, vậy nên giữ chắc biên giới, bình tĩnh mà đợi thôi*”.

Ngày 17 tháng Năm năm Gia Khánh 7 (1802), Nguyễn Phúc Ánh ra lệnh cho các lộ thủy lục tất cả cùng tiến lên.

Ngày 27, quân tiến đến Hoành Sơn, Đô đốc An Nam là Nguyễn Văn Ngũ (阮文五) tan rã.

Ngày 28, lấy được Hà Trung.

Ngày 29, lấy được Đại Nại (大奈).

Ngày mùng Một tháng Sáu, bắt được em của Nguyễn Quang Toàn là Nguyễn Thất (阮七).

Ngày mùng 5, lấy được Dương Xá, bắt được em Nguyễn Quang Toàn là bọn Nguyễn Quang Bàn.

Ngày mùng 10, lấy được Thanh Hoa.

Ngày 14, vây đánh thành Thăng Long đến ngày 17 thì lấy được thành, Nguyễn Quang Toàn và các em Nguyễn Quang Duy, Nguyễn Quang Thiệu, Nguyễn Quang Thùy cùng Tư mã Nguyễn Văn Dụng, Nguyễn Văn Tích (阮文錫) chạy lên Xương Giang, đến đêm nghỉ lại chùa Thọ Xương, người đi theo đều bỏ đi cả. Nguyễn Quang Thùy chạy đến Thuyền Đầu (船頭) bị đuổi rất gấp nên tự cắt cổ chết. Còn bọn Nguyễn Quang Toàn bị dân chúng trong làng bắt được, bỏ vào cũi giải về Thăng Long, sau cũng bị giết.

Ngày 21, Nguyễn Phúc Ánh vào thành Thăng Long.⁽²⁷⁾

Tân Nguyễn từ Nguyễn Văn Huệ xưng đế cải nguyên đến Nguyễn Quang Toàn thua trận bị bắt được hai đời vua, tổng cộng 15 năm thì mất. Nếu nói về toàn cảnh An Nam thì gồm 4 trấn, 47 phủ, 157 huyện, 40 châu đều do Nguyễn Phúc Ánh bình định, toàn quốc nay quay về một mối.

NGUYỄN PHÚC ÁNH SAI SỨ TIỀN CỐNG VÀ VIỆC TÁI LẬP QUAN HỆ TRUNG HOA - VIỆT NAM

Thanh đình rất quan tâm đến việc tranh chấp nội bộ ở An Nam từng nhiều lần sức cho đốc phủ thấy có gì thì báo lên ngay. Ngày 18 tháng Bảy năm Gia Khánh 7 (1802), quân cơ đại thần tuân chỉ gửi thư cho Tổng đốc Lương Quảng Cát Khánh hỏi rằng “*Đồng Nai do ai làm chủ, binh lực như thế nào?*”.

Ngày mùng 8 tháng Tám Gia Khánh 7, Tuần phủ Quảng Tây Tôn Ngọc Đình nhận được thượng dụ gửi xuống, đại lược viết “*ngoại di thôn tính lẫn nhau, vốn*

không liên quan gì đến nội địa, nếu như Nguyễn Chung quả có nạp khoản xin phong, hay có ý gì khác thì tổng đốc hãy tâu lên chờ chỉ mà thi hành”.

Trước khi Thăng Long thất thủ, công sứ của Nguyễn Quang Toàn sai đi thì đã khởi trình, ngày 21 tháng Năm năm Gia Khánh 7, công sứ An Nam và những người tùy hành tổng cộng 25 người tiến quan. Ngày 18 tháng Sáu, đi đến Ngô Châu, ngày mùng 2 tháng Bảy, đến huyện Tam Thủy, tỉnh Quảng Đông.

Khi Thăng Long mất, phiên phong (danh nghĩa là phiên thuộc của nhà Tây Sơn) không còn giữ được nữa nên công sứ An Nam không tiện hộ tổng lên kinh đô nên Thanh Nhân Tông dụ cho đốc phủ ra lệnh cho công sứ quay về trấn Nam Quan.

Ngày 14 tháng Bảy, Cát Khánh tâu lên rằng bồi thần Nguyễn Phúc Ánh sai đi là Trịnh Hoài Đức đã trối giải đến bọn cướp biển là Tổng binh An Nam Mạc Quan Phù, Lương Văn Canh, Phan Văn Tài ba người đến đất Việt (Quảng Đông).

Theo lời cung khai của Mạc Quan Phù thì y gốc người huyện Toại Khê (遂溪), Quảng Đông. Năm Càn Long 52 (1787), y đến núi Thanh Lan (清瀾) chặt củi bị giặc bắt phải gia nhập bọn chúng đi theo ăn cướp. Tổng binh An Nam là Trần Thiêm Bảo chiêu dụ Mạc Quan Phù, Trịnh Thất đi theo An Nam đều được phong chức tổng binh.

Gia Khánh nguyên niên, Mạc Quan Phù trước sau cướp được 17 chiếc thuyền lớn nhỏ, tụ được đồng đảng hơn 1.000 người, từng giết chết bọn giặc biển tỉnh Mân là Hoàng Thắng Trường (黃勝長) hơn 600 người, quốc vương An Nam thấy y kiêu dũng như thế nên phong y làm Đông Hải Vương. Gia Khánh 6 (1801), Mạc Quan Phù cùng Lương Văn Canh đem 9 chiếc thuyền đánh với thủy quân của Nguyễn Phúc Ánh ở biển Phú Xuân rồi bị bắt.

Lương Văn Canh quê huyện Tân Hội, năm Càn Long 53 (1788) được Trần Thiêm Bảo chiêu dụ đi theo An Nam phong cho chức thiên tổng. Năm Gia Khánh 5, An Nam quốc vương thấy y ra sức chiến đấu, phong cho làm tổng binh.

Phan Văn Tài quê ở huyện Lăng Thủy, năm Càn Long 53 chạy sang An Nam được phong chức chỉ huy. Năm Càn Long 55 (1790), thăng lên tổng binh.

Bọn Mạc Quan Phù ba người đều khai rằng trước sau tại duyên hải các tỉnh Giang [Tô], Chiết [Giang], Mân [Phúc Kiến], Việt [Quảng Đông] đã ăn cướp, giết người nhiều lần, đã tra hỏi minh bạch xin nghị tội, chiếu theo tội đại nghịch lăng trì luật thì phải lăng trì xử tử.

Tháng Bảy năm Gia Khánh 7, Nguyễn Phúc Ánh sai sứ thần là Lê Chính Lộ, Trần Minh Nghĩa bẩm lên xin được lên cửa quan nhưng vì chưa thông lễ tiết thiên triều, khẩn cầu chỉ thị “*tiểu phiên được ơn nuôi nấng kẻ nhỏ của thiên triều để an ở cõi nam*”. Nguyễn Phúc Ánh tuy mượn ngoại lực đánh bại Nguyễn Quang Toàn

thống nhất được toàn cảnh đất An Nam nhưng lại mới bắt đầu tạo bang, lòng người chưa theo về. An Nam từ Đinh, Lý, Trần, Lê, Nguyễn các triều đều chăm chăm chức cống, Nguyễn Phúc Ánh muốn có được vai trò hợp pháp để củng cố chính quyền thì cần được thiên triều sách phong nên Nguyễn Phúc Ánh đã hai lần sai sứ nạp khoản để được chính thức thừa nhận.

Ngày 11 tháng Tám, Tổng đốc Lương Quảng Cát Khánh thấy lời lẽ trong tờ bẩm cung thuận nên gửi triệp tâu lên.

Ngày 20 tháng Tám, quân cơ đại thần tuân chỉ gửi cho Tuần phủ Quảng Tây Tôn Ngọc Đình đem công sứ của Nguyễn Quang Toàn câu lưu gần Quảng Đông, còn hai phái bộ sứ thần của Nguyễn Phúc Ánh thì cùng ra lệnh cho lên kinh đô.

Ở trấn Nam Quan có Chiêu Đức Đài là nơi tiếp kiến sứ thần An Nam nên khi Nguyễn Phúc Ánh được chấp thuận nạp khoản rồi thì ngày 21 tháng Tám Tôn Ngọc Đình tâu lên xin ra lệnh cho sứ thần đến Chiêu Đức Đài chờ nghe tuyên dụ.

Ngày hôm đó, Cát Khánh nhận lệnh từ triều đình cho Tuần phủ Quảng Tây đưa công sứ thỉnh phong theo đường Quảng Đông lên kinh đô, cùng với sứ thần lần trước là bọn Trịnh Hoài Đức hai bên cùng đi một lượt.

Từ năm Càn Long 45 (1780), Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi tại Sài Gòn, sau đó mất cả Quảng Nam, lưu vong ở Xiêm La, mượn sức từ bên ngoài quay trở về nước, đến năm Gia Khánh 7 (1802), thống nhất toàn cõi An Nam, chiến đấu hơn 20 năm. Thanh đình từng nhiều lần sức cho bày tội tra xét tâu lên nhưng trong triệp của đốc phủ thường không rõ bên này bên kia, về Nguyễn Phúc Ánh khi thì Nguyễn Chung, khi thì Đồng Nai, quan hệ tân cựu Nguyễn ở An Nam không nhận thức được đầy đủ.

Ngày 21 tháng Tám năm Gia Khánh 7, quân cơ đại thần tuân chỉ gửi cho Cát Khánh ra lệnh tra xét kỹ Nguyễn Chung có phải là Nguyễn Phúc Ánh hay không, việc liên quan đến đại điển sách phong nên tên họ quốc vương thuộc quốc không thể không rõ ràng.

Khi đó Trịnh Hoài Đức đã trối dẫn bọn dương đạo Mạc Quan Phù đến Quảng Đông rồi còn đang đợi chỉ để lên kinh đô. Có điều khi Cát Khánh tâu rằng “*nghe nói Nguyễn Chung là Binh Bộ Thượng thư của Nguyễn Quang Toàn, đã bắt Nguyễn Quang Toàn trối dẫn giao cho Nguyễn Phúc Ánh*” thì chỉ ra là Nguyễn Chung và Nguyễn Phúc Ánh là hai người khác nhau, còn Tôn Ngọc Đình thì lại tâu Nguyễn Chung và Nguyễn Phúc Ánh cùng là một người nên trong công biểu của Nguyễn Quang Toàn cũng nói là “*trước đây có tên giặc trốn đi là Nguyễn Chung chiếm cứ Đồng Nai làm căn cứ*”. Còn thuyết nói rằng Nguyễn Chung là Binh Bộ Thượng thư của Nguyễn Quang Toàn là việc ngoa truyền, Đồng Nai (農耐) là địa danh, tên

khác là Long Nại (龍柰), tức Lộc Lại (祿賴), lại có tên nữa là Lạo Lại (潦瀨), tức trong *Tống sử* từng gọi là Bồ Cam quốc (蒲甘國).⁽²⁸⁾

Trong công biểu của Nguyễn Phúc Ánh tuy xưng là Nam Việt quốc vương, có điều lời lẽ cung thuận nên đã được chuẩn thuận cho lên kinh đô tiến cống. Ngày mùng 6 tháng Tám năm Gia Khánh 7, quân cơ đại thần gửi thư cho Cát Khánh, đại lược *“trước đây Nguyễn Quang Bình thành tâm gõ cửa quan xin nội phụ, cực kỳ cung thuận, hoàng khảo ta xét lòng khỏn thâm, ban cho phong hiệu đất đai, Nguyễn Quang Bình cảm kích vì được nhiều lần vinh hưởng, kính cẩn đích thân đến triều. Hoàng khảo lại càng thêm ân lễ, nhiều phen ban thưởng, nguyện sẽ chăm lo cho Nguyễn Quang Bình để cho xứng với cái ơn sủng ngộ. Đến khi Nguyễn Quang Toàn kế vị đất Giao Nam, lại ban cho sắc mệnh, mong sao đời đời không đổi. Những năm gần đây, trên biển hai tỉnh Môn - Việt [Phúc Kiến, Quảng Đông], trong thuyền cướp biển có người để tóc dài, nghe nói là người của nước đó được lệnh ra biển nhập bọn đánh cướp. Cha con họ Nguyễn các đời nhận được quốc ân, không thể như vậy, trẫm không vội tin ngay nên cho tra hỏi, nếu quả phỉ đồ tóc dài, biết đâu chỉ là dân nghèo nước đó, đi theo bọn cướp. Vì vậy đã giáng chỉ dụ sức cho tra bắt, nhưng không thấy nước đó bắt được người nào đưa tới.*

Nay Nguyễn Phúc Ánh trối giải bọn Mạc Quan Phù ba người, tra hỏi lấy cung, đều là đạo phỉ nội địa được nước kia chiêu dụ chạy qua, hoặc phong làm Đông Hải Vương, hoặc phong làm tổng binh ngự chức rồi ra lệnh tới biển của nội địa cướp bóc thuyền buôn, ấy là Nguyễn Quang Toàn không tuân chỉ tra bắt mà còn oa trử dụng nạp kẻ phản bội, vong mạng, ban cho chức tước, hoành hành trên biển, phụ ơn cản trở, thật không còn gì hơn nữa.

Đến như sắc thư ấn tín do thiên triều ban cho là những danh khí cực trọng phải kính cẩn giữ gìn, mất còn cùng với nước nhưng Nguyễn Quang Toàn không biết thận trọng, để cho năm ngoái Nguyễn Phúc Ánh khi đánh lấy Phú Xuân, lập tức vứt bỏ chạy trốn, tội ấy không thể nào trốn tránh được”.⁽²⁹⁾

Thanh đình thấy Nguyễn Quang Toàn phụ ơn kết nạp kẻ phản bội, bỏ mất ấn tín, gây tội quá nặng không thể nào dung tha được. Còn như Nguyễn Phúc Ánh lại sai sứ thần cung kính giao nạp sắc ấn, lại bắt trối giặc biển chạy trốn đưa lên, tiến biểu xin nạp cống, quả là biết đạo thờ nước lớn, xem ra chí thành.

Ngày mùng 6 tháng Tám, trong đình ký có nói Nguyễn Phúc Ánh đất nước chưa yên, lại cũng chưa được phong làm phiên thuộc, nếu theo thể chế thiên triều thì chưa được vào hàng chức cống, nếu như nhận đồ cống hiến thì không hợp thể chế nên dụ lệnh cho Cát Khánh tạm thời bảo bọn Lê Chính Lộ quay về như thế mới đặc thể.

Ngày 30 tháng Chín, Tuần phủ Quảng Tây Tôn Ngọc Đình đến trấn Nam Quan, cho gọi bọn Lê Chính Lộ đến Chiêu Đức Đài sức dụ họ trở về nước báo cho Nguyễn Phúc Ánh biết, chuẩn cho sai sứ nạp khoản nhưng phải đem việc lấy toàn cõi An Nam, được nước thành tâm nạp khoản mọi duyên do đầu đuôi rồi làm biểu văn cầu phong, chuẩn bị cống phẩm sau đó sai sứ mang tới Nam Quan đợi lệnh.

Khi đó ở Bắc La, Huệ Châu tỉnh Quảng Đông đang có hội đảng nổi lên, thế lực rất mãnh liệt nên Tổng đốc Lương Quảng Cát Khánh phải hết sức tiêu trừ nên ra lệnh cho cống sứ lần trước là Trịnh Hoài Đức đổi sang đi đường Quảng Tây.

Ngày mùng 9 tháng Mười, Lê Chính Lộ trở lại Thăng Long. Nguyễn Phúc Ánh trước đó đã trở về Phú Xuân thăm mẹ nên Lê Chính Lộ cũng phải lên đường đi Phú Xuân.

Tháng Một năm đó, Nguyễn Phúc Ánh thăng Binh Bộ Tham tri Lê Quang Định làm Binh Bộ Thượng thư sung vào chức Chánh sứ, Lại Bộ Kiểm sự Lê Chính Lộ, Đông Các học sĩ Nguyễn Gia Cát sung giáp ất Phó sứ, cung kính mang biểu văn, cống phẩm lên cửa quan thỉnh phong.

Cống phẩm bao gồm:

Kỳ nam	琦楠	2 cân
Ngà voi	象牙	2 đôi
Sừng tê	犀角	4 chiếc
Trầm hương	沉香	100 cân
Tốc hương	速香	200 cân
Lụa to sợi, lụa nồn, lụa sống, vải sợi bằng bông	紬絹絹布	Mỗi thứ 200 tấm

Trong biểu văn cũng xin được đổi quốc hiệu thành Nam Việt, trong đó lược viết: *“các đời trước náu mình ở đất Viêm Giao, đất đai mỗi ngày một mở rộng, bao gồm cả đất Việt Thường (越裳), Chân Lạp (真臘) các nước, lấy tên đất là Nam Việt kế thừa hơn 200 năm. Nay đã quét sạch cõi nam, cai trị toàn đất Việt nên xin khôi phục tên cũ để cho được chính tên gọi.”*

Ngày 18 tháng Chạp, Tuần phủ Quảng Tây Tôn Ngọc Đình tâu lên kinh đô, tiến trình biểu văn xin phong vương, Thanh Nhân Tông liền giao cho các đại học sĩ hội họp với thượng thư 6 bộ bàn luận rồi tâu lên, lại ra lệnh cho quân cơ đại thần gửi thư cho Tôn Ngọc Đình, cống sứ Lê Quang Định sau khi tiến quan hãy lập tức đưa lên tỉnh thành, cùng với sứ thần lần trước là bọn Trịnh Hoài Đức do Án sát Công Nga (公峨) đưa lên kinh đô triều kiến.⁽³⁰⁾

Chỉ có trong biểu chi tiết xin đổi quốc hiệu thì chưa thể chấp thuận. Ngày 20 tháng đó, Thanh Nhân Tông dụ cho quân cơ đại thần, đại lược *“trước đây như Tôn Ngọc Đình tâu lên gửi biểu văn thỉnh phong của Nguyễn Phúc Ánh, trẫm đã phê*

duyet kỹ càng, việc xin ban cho hai chữ Nam Việt thì không thể thi hành được. Cái tên Nam Việt bao gồm rất rộng. Khảo lại sử trước, các đất nay thuộc Quảng Đông, Quảng Tây cũng nằm trong đó cả. Nguyễn Phúc Ánh là một tiểu di nơi biên kiêu [lấy cọc đóng mốc để chia địa giới với các nước man di gọi là biên kiêu 邊徼, phía đông bắc gọi là tái 塞, phía tây nam gọi là kiêu 徼], bây giờ có toàn cõi An Nam, chẳng qua cũng chỉ là đất cũ của Giao Chỉ, sao lại dám tự xưng Nam Việt. Biết đâu đây chẳng phải là ngoại di khoe khoang, xin đổi quốc hiệu để thử lòng vậy hãy bác đi không chấp thuận”.⁽³¹⁾

Thanh Nhân Tông ra lệnh cho quân cơ đại thần thay mặt soạn một hịch dụ, lại đem nguyên biểu trả lại cho Tôn Ngọc Đình để giao hoàn công sứ. Tôn Ngọc Đình tuân chỉ viết thư cho Nguyễn Phúc Ánh, ra lệnh cho hãy dùng quốc hiệu An Nam để xin phong.

Tôn Ngọc Đình truyền cho công sứ đang ở trong tỉnh dụ cho họ tuân theo mà thi hành. Cứ theo như công sứ trình bày, quốc trưởng Nguyễn Phúc Ánh quả không biết hai chữ Nam Việt có trùng tên với đất cũ của nội địa, lại vì trước đây họ Lê, họ Nguyễn đã lấy tên nước là An Nam nên cũng không muốn lấy tên cũ mà gọi.

Nguyễn Phúc Ánh tiếp nhận được chiếu hội [thư gửi cho biết] rồi bầm trở lại rằng sở dĩ xin tên nước là Nam Việt, ấy là nước ấy có đất cũ trước đây là Việt Thường, về sau lại thêm toàn cõi An Nam nên không muốn chỉ dùng tên An Nam mà quên đi khoảng đất đòi đòi trấn thủ.

Ngày mùng 6 tháng Tư năm Gia Khánh 8 (1803), Thanh đình ra lệnh cho Tôn Ngọc Đình gửi hịch dụ cho Nguyễn Phúc Ánh thông báo cho biết rằng “*theo tờ biểu thỉnh phong trước đây thì danh nghĩa quốc hiệu không phù hợp với đất được phong ngoài biên kiêu [徼外封域] nên không dám mạo muội tâu lên.*

Lần này tờ bầm tường thuật đầu đuôi việc kiến quốc, xin được ban cho danh hiệu mới nên cứ tình thực mà tâu lên, phụng chỉ ban cho hai chữ Việt Nam, lấy chữ Việt để lên trên, chỉ về cương vực các đời trước, lấy chữ Nam đặt ra sau để tỏ phiên phong mới được ban. Ấy cũng là ở phía nam Bách Việt, không bị lẫn lộn với hai chữ Nam Việt đời xưa, tên gọi đã chính đáng, nghĩa chữ lại cát tường.”

Tôn Ngọc Đình một mặt tuân chỉ gửi thư cho Nguyễn Phúc Ánh, một mặt sai người bạn tổng [đi theo đưa đường] công sứ đem biểu lên kinh đô.

Trần Uy Tín soạn “Việt Nam quốc danh khảo” trong đó có viết rằng “*năm Tây nguyên 1802 (Gia Khánh thất niên), vua Gia Long sai sứ đến Trung Quốc cầu phong, Thanh đình lấy lý do Trung Quốc đã có địa danh Nam Việt, Việt Nam không tiện lấy lại tên Nam Việt để phòng chuyện lẫn lộn. Đến khi sứ thần nước Việt đến Quế Lâm, chưa được đưa đến kinh đô thì phải quay lại. Vua Gia Long nghe lời*

tâu, lập tức chiêu tập quần thần thương nghị để tìm kế sách, đại thần là Nguyễn Đăng Sở (阮登礎) đề nghị lấy tên là Việt Nam, mọi người đều đồng ý. Đăng Sở là người tỉnh Bắc Ninh thuộc phương bắc, là người cực lực chủ trương đem Nam Việt đổi thành Việt Nam, ấy là do nghĩa ở phía nam nước Việt thời cổ.^() Các đại thần Lê Quang Định (thi nhân), Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tịnh đều là người phương nam nên xướng nghị việc đem quốc hiệu thêm trên quốc kỳ. Vua Gia Long là người ở miền Trung nước Việt Nam nên thu gom ý kiến mọi người, quyết định lấy tên Việt Nam, lấy ý là từ nay nam, trung, bắc Việt thống nhất, đủ thấy rõ ràng”.*⁽³²⁾

Cứ như Trịnh Hoài Đức là chính công sứ lần đầu Nguyễn Phúc Ánh gửi đi, Ngô Nhân Tịnh (靖) tức là Ngô Nhân Tĩnh (靜) bị nhầm mà thành là một trong các phó sứ, còn người kia là Hoàng Ngọc Uẩn đều phụng chỉ theo đường Quảng Đông đến Quảng Tây để cùng với công sứ là Lê Quang Định tiến kinh nạp cống, khi đó đều không ở An Nam. Nguyễn Quang Toàn [đúng ra là Nguyễn Phúc Ánh - NDC] hai lần tiến biểu đều xin được phong Nam Việt, việc đổi tên Nam Việt thành Việt Nam, quả thực do đình nghị từ triều đình nhà Thanh, không phải do Nguyễn Đăng Sở đề ra.

Theo “Đại Nam thực lục” thì “hoàng đế nhà Thanh lúc đầu thấy Nam Việt và Quảng Đông Quảng Tây tương tự, nên không bằng lòng, nhà vua nhiều lần viết thư biện giải, nói rằng nếu không thuận thì không thụ phong nữa. Vua Thanh sợ phạt ý nước ta, nên đặt tên nước là Việt Nam”.⁽³³⁾

Nói cách khác, Nguyễn Phúc Ánh trước sau kiên định xin ban cho tên nước là Nam Việt, thực không phải do thu nhận ý kiến của quần thần mà chủ động dùng tên Việt Nam.

Ngày 26 tháng Sáu năm Gia Khánh 8 (1803), Thanh Nhân Tông dụ cho nội các chính thức đổi tên nước An Nam thành Việt Nam, ra lệnh cho nha môn Khâm Thiên Giám khi ban hành lịch Thời Hiến thì trong đó hai chữ An Nam đổi thành Việt Nam, thông sứ cho tổng đốc tuần phủ các tỉnh từ nay về sau hành văn trong triệp gửi cho Nguyễn Phúc Ánh không gọi là Đồng Nai nữa. Thanh Nhân Tông cũng sai Án sát Quảng Tây Tề Bố Sâm (齊布森) đem sắc ấn mới ban đi cùng với công sứ Việt Nam xuất quan đến thi hành lễ sách phong, tuyên đọc chiếu chỉ và ban cấp sắc ấn.

Việt Nam chánh, phó sứ 6 người, lục sự 3 người, hành nhân 6 người, thư ký, thông sự tất cả là 28 người ngày mùng 5 tháng Tám đến Nhiệt Hà triều yết vua Nhân Tông, được ban thưởng theo lệ.

* Chi tiết này đáng ngờ vì Nguyễn Đăng Sở là sứ thần của Nguyễn Quang Toàn gửi sang nhà Thanh bị đuổi về. Tuy về sau ông có làm quan cho nhà Nguyễn nhưng thời điểm này chưa phải là người thân tín của vua Gia Long. NDC.

Ngày 21 tháng Tám, đến kinh sư, các công phẩm trình lên vua Nhân Tông xem được để ở Viên Minh Viên ngự lãm, những món đồ thưởng và gia thưởng (thưởng thêm) cho công sứ thì được ban cấp tại cửa Ngọ Môn ngày 22 tháng ấy và cũng theo lệ được ban yển hai lần.

Ngày 24, sứ thần lên đường về nước. Các món cáo sắc, ấn tín ban cho Nguyễn Phúc Ánh thì do Đồng tri phủ Thái Bình là Lục Thụ Phong (陸受豐) mang đến tỉnh thành Quảng Tây giao cho Tề Bồ Sâm.⁽³⁴⁾

Tháng Giêng năm Gia Khánh 9, tức Gia Long 3 (1804), Tề Bồ Sâm mang cáo sắc và quốc ấn cùng các món ban thưởng đến Thăng Long. Ngày 13 tháng đó, tại điện Kính Thiên làm lễ tuyên phong, ban phát cáo sắc cùng ấn tín. Ban thưởng theo lệ cho quốc vương Nguyễn Phúc Ánh bao gồm những vật sau đây:

Thưởng chính		
Mãng đoạn	蟒緞	8 tấm
Trang đoạn	粧緞	8 tấm
Cầm đoạn	錦緞	8 tấm
Chương nhung	漳絨	8 tấm
Thiểm đoạn	閃緞	8 tấm
Miên đoạn	綿緞	27 tấm
Xuân trù	春綢	27 tấm
Thưởng thêm		
Mãng đoạn	蟒緞	4 tấm
Trang đoạn	粧緞	4 tấm
Thiểm đoạn	錦緞	4 tấm
Miên đoạn	綿緞	4 tấm
Đồ sứ	磁器	4 món
Pha lê	玻璃	4 món
Quyên tiên	絹箋	4 cuộn
Bút	筆	4 hộp
Mực	墨	4 hộp
Nghiên	硯	2 cái
Đồ sơn mài	漆器	4 món
Trà lá	茶葉	4 bình
Hộp hình trái đào sơn mài	漆桃盒	4 cái
Bình ngửi bằng sứ	磁鼻烟壺	4 cái
Hộp trầu cau sơn mài Loa Điện	螺甸漆檳榔盒	2 cái

Khi Tề Bồ Sâm về nước, Nguyễn Phúc Ánh ra lệnh sứ thần hầu mệnh Trần Quang Thái (陳光泰) hộ tống nhập quan, rồi sai Chánh sứ Lê Bá Phẩm (黎伯品), giáp ất Phó sứ Trần Minh Nghĩa (陳明義), Nguyễn Đăng Đệ (阮登第) mang phương vật lên kinh đô tạ ơn.

Ngày 17 tháng Hai, Nguyễn Phúc Ánh yết Thái Miếu, ban chiếu đổi quốc hiệu, văn thư qua lại trong ngoài đều dùng Việt Nam làm tên nước, bỏ tên cũ An Nam và thông cáo cho Xiêm La, Lữ Tống, Chân Lạp các nước.

KẾT LUẬN

Cuối đời Minh, đầu đời Thanh, hai họ Lê, Mạc của An Nam chống lẫn nhau. Họ Mạc chiếm Đông Kinh tự lập, họ Lê chiếm Tây Kinh nhờ có cự thần Nguyễn Kim (阮淦) và Trịnh Kiểm giúp đỡ nên vương quyền mới không bị mất.

Đời Minh Thần Tông Vạn Lịch 20 (1592), họ Lê thu phục Đông Kinh, họ Mạc chạy lên Cao Bình [Bắc] từ đó không còn vùng lên được nữa. Con của Trịnh Kiểm là Trịnh Tùng vì có công nên được giữ đại quyền, con Nguyễn Kim là Nguyễn Hoàng bất mãn nên năm Vạn Lịch 28 (1600) khởi binh đánh Trịnh Kiểm không được nên lui về giữ Quảng Nam, tự lập làm vương, An Nam thành ra bắc nam đối lập.

Đến đời Thanh Cao Tông Càn Long, họ Nguyễn Tây Sơn nổi lên, họ Trịnh dụ họ tấn công tiêu diệt họ Nguyễn Quảng Nam, Nguyễn Văn Huệ thừa dịp quyền thần của họ Lê là anh em Trịnh Đổng tranh chấp nội bộ, đem quân tấn công Đông Kinh, Lê Duy Kỳ bỏ chạy ra ngoài, cự thần nhà Lê và quyền thuộc bị bức bách quá phải chạy sang nội địa, gõ cửa quan cầu cứu.

Thanh Cao Tông lấy việc chinh phạt kẻ làm phản trong kinh Xuân Thu nên sai đem đại quân kẻ tội dẹc giặc, giúp cho vua Lê trở lại ngôi vị, thực hiện việc cứu kẻ yếu giúp kẻ nguy trong lý tưởng hưng diệt kẻ tuyệt. Có điều quân Thanh thắng nhỏ nên kiêu, chênh lệch trong việc phòng bị nên Nguyễn Văn Huệ thừa cơ đánh cho đại bại.

Nguyễn Văn Huệ kháng cự trước, thành tâm nạp khoản sau, qua bốn lần xin hàng, Thanh Cao Tông mới thuận cho lời thỉnh cầu, sách phong Nguyễn Văn Huệ làm An Nam quốc vương. Nguyễn Văn Huệ tuy thống nhất được An Nam nhưng vẫn chưa triệt để tiêu diệt được thế lực họ Nguyễn ở Quảng Nam, Thanh đình cũng chưa thể từ đầu chí cuối giúp đỡ cho họ Nguyễn Tây Sơn.

Sau khi Nguyễn Quang Toản lên nối ngôi, hậu duệ của họ Nguyễn Quảng Nam là Nguyễn Phúc Ánh mượn sức từ bên ngoài để phục quốc. Lúc đó nhà Thanh thì giáo phi đầy lên, hội đảng [các bang hội lập thành đảng] nổi dậy, nội loạn thêm mạnh không rảnh tay để ngó xuống, cái đạo hưng diệt kẻ tuyệt, tự tiểu tồn vong không nói đến mà việc Nguyễn Quang Toản quên ơn chứa phản ấy là sự thực nên dùng lời nặng nề trách mắng nên khi Nguyễn Phúc Ánh đem quân bắc tiến, công hãm Thăng Long thì cũng chưa bị Thanh đình kẻ tội thảo phạt.

Thái độ chuyển biến của nhà Thanh thực có liên quan đến việc thế lực của tân cự Nguyễn khi lên khi xuống, việc diệt vong của nhà Nguyễn Tây Sơn và việc họ Lê mất phiên phong đều cùng một vết xe, thiên mệnh qua rồi không quay trở lại nữa.

Nguyễn Phúc Ánh sai sứ nạp cống thỉnh phong, tháng Giêng năm Gia Khánh 9 (1804), Thanh Nhân Tông sai ty Niết Quảng Tây là Tề Bồ Sâm đến Thăng Long, chính thức sách phong Nguyễn Phúc Ánh làm Việt Nam quốc vương, bỏ tên cũ An Nam thành cái điều gọi là “*bồi đắp nghiêng đổ, nên nhân cái tài mà đắp thêm*” [傾覆栽培，無非因材而篤] (Trung dung) vậy.

Việt Nam từ Nguyễn Hoàng chiếm cứ Quảng Nam tự lập đến khi Thanh triều sách phong Nguyễn Phúc Ánh, trong thời gian đó chia cắt đến 205 năm, đến nay lần đầu thống nhất kết thúc việc phân liệt lâu dài.

Bang giao Trung Hoa - Việt Nam nay lại thiết lập, việc ngay cong của họ Lê, họ Nguyễn không đào sâu đến. Nguyễn Văn Huệ ba lần công hãm Thăng Long, quyền thuộc và cự thần chạy theo vua Lê đều được an táp ở nội địa.

Năm Gia Khánh 7 (1802), khi Nguyễn Phúc Ánh bàn nghị về việc đưa cống sứ tiến kinh thì con cự thần nhà Lê Lê Quýnh là Lê Doãn Trác nghe tin, liền bẩm xin được tùy hành lên kinh đô để dò thám tin tức của cha. Lúc trước, Lê Quýnh đi theo Lê Duy Kỳ sang Trung Hoa, cùng Lý Bình Đạo chuyển vào trong tá lãnh ở kinh sư, sống ở xưởng Lam Điện. Tháng Bảy năm Gia Khánh 8 (1803), cống sứ Lê Quang Định đến Bắc Kinh. Ngày 15 tháng Bảy, Lê Quýnh đi tế mộ vua Lê, thừa dịp đến Lô Cầu Kiều chơi mới gặp một người Mông Cổ họ A, y cho hay sứ thần nước Việt đang lên kinh đô. Lê Quýnh liền khẩn khoản xin với tham lãnh Hỏa Khí Doanh là Bảo Thiện được nghỉ ba ngày.

Ngày 25 tháng Bảy, cống sứ lên đường đi Trác Châu. Hôm sau, Lê Quýnh đến Trác Châu nghinh tiếp cống sứ, hỏi con về tin nhà khiến cho Thanh đình và cống sứ chú ý.

Ngày mùng 10 tháng Chín, quân cơ đại thần tuân chỉ tra hỏi rõ ràng việc cự thần nhà Lê chạy sang Trung Hoa và việc họ tình nguyện trở về nước, sau đó gửi thư cho Tuần phủ Quảng Tây Tôn Ngọc Đình và truyền dụ cho Án sát sứ Tề Bồ Sâm khi sang tích phong cho Nguyễn Phúc Ánh hỏi xem có bằng lòng thu nhận những bầy tôi cũ của nhà Lê về nước hay không?

Tháng Một năm đó, theo như tấu triệp của Tổng đốc Lưỡng Giang là Trần Đại Văn thì năm Càn Long 55 (1790) có an táp người An Nam ở Giang Ninh bọn Bế Nguyễn Cung 33 người, nay xin được trở về. Bọn Hoàng Đình Cầu 20 người, trước đây có thù với cha con Nguyễn Văn Huệ, lúc trước không muốn trở về, nay cũng xin về nước.

Ngày 12 tháng Hai năm Gia Khánh 9 (1804), quân cơ đại thần làm danh sách những người An Nam đang an táp ở kinh sư, Nhiệt Hà và những người đang bị phát vãng đến Phụng Thiên, Hắc Long Giang, Trương Gia Khẩu, Y Lê các nơi trình lên ngự lãm đồng thời báo cho các nơi để sắp xếp tiền bạc đưa họ về Quảng Tây, giao cho Tôn Ngọc Đình chia thành nhóm đưa về.

Theo như danh sách của Quân Cơ Xứ thì người biên nhập kỳ binh gồm có:

Kinh sư			
Lê Duy An	Tá lãnh	1 vợ	2 con trai
Phạm Trần Thiện	Kiều kỵ hiệu		
Lê Duy Phổ	Lãnh thôi		
Đinh Lệnh Ngang	Lãnh thôi		
Đinh Võ Đường	Lãnh thôi		
Đinh Võ Điều	Lãnh thôi		
Lê Doãn Toàn	Lãnh thôi		
Nguyễn Nghiêm	Mã giáp		20 người
Đinh Võ Đô	Ngao nhĩ bố		2 người
Lê Duy Đàm	Dưỡng dục binh		10 người
Nguyễn thị Đinh thị	Vợ Lê Duy Kỳ		2 người
Lê thị	Con gái Lê Duy Kỳ		1 người
Nguyễn Xuân Hải	Nội giám		3 người
	Đàn bà		28 người
	Con gái nhỏ		15 người
	Đầy tớ		2 người
Hòa Khí Doanh			
Lê Quýnh	Mã giáp		4 người
Trịnh Hiến	Mã giáp		
Lê Trị	Mã giáp		
Lý Bình Đạo	Mã giáp		
		Tổng cộng	97 người
Nhiệt Hà			
Lê Quang Duệ	Hưởng ½ lương hưởng		20 người
		Vợ con	12 người
Phụng Thiên			
Lê Hân			1 người
Hắc Long Giang			
Phạm Như Tùng			1 người
Trương Gia Khẩu			

Nguyễn Quốc Đống			1 người
Y Lê			
Hoàng Ích Hiểu			3 người
		Tổng cộng	38 người

Năm Càn Long 56 (1791) nhân vì xúi Lê Duy Kỳ xin trở về nước, 38 người nêu trên bị phát vãng. Năm Gia Khánh 7 Nguyễn Thế Đăng (1 người), nhân vì say rượu gây chuyện rắc rối, bị đưa đi Hắc Long Giang.⁽³⁵⁾

Những người An Nam ở kinh sư từ ngày 29 tháng Hai bắt đầu trở về nước, chia thành 3 nhóm cách nhau mỗi đợt 2 ngày, trong đó có cả tàn cốt của cố quốc vương Lê Duy Kỳ cũng được đem theo về Việt Nam. Những người phát vãng đi Nhiệt Hà, Trương Gia Khẩu thì thuộc nhóm thứ tư đi ngày mùng 9 tháng Ba từ kinh đô khởi trình. Cựu thân nhà Lê và quyền thuộc mất nước ra đi tính đến nay là 16 năm trời, nay đều được trả về, thật là gian khổ.

Tháng Hai năm Gia Khánh 10 (1805), Nguyễn Phúc Ánh chiêu kiến những người nhà Lê về nước là nhóm cựu thân Lê Duy An, ban thưởng hậu tiền bạc, y phục, phong cho Trịnh Hiến, Lý Bình Đạo làm Thị trung học sĩ, còn lại cũng được phong chức khác nhau.

Người Pháp giúp cho Nguyễn Phúc Ánh lấy lại nước, thế lực của Pháp cũng theo đó mà vào Việt Nam, làm quan hay cố vấn có Pháp tịch ở khắp các cơ cấu trọng yếu trong triều đình, truyền giáo sĩ người Pháp cũng được giảng đạo tự do trong xứ.⁽³⁶⁾

Sau khi Nguyễn Phúc Ánh qua đời, vua Minh Mạng kế vị, khi lâm chung Nguyễn Phúc Ánh từng dặn vua Minh Mạng bảo hộ Khổng giáo, Phật giáo và Cơ Đốc giáo. Thế nhưng vua Minh Mạng sùng tín tư tưởng Nho gia, khi lên kế vị rồi lập tức khôi phục chính sách cấm đạo ở Việt Nam trục xuất các giáo sĩ, bài Pháp kịch liệt, những người Pháp đến giúp đỡ mong được ban thưởng và được truyền giáo tự do cùng đặc quyền buôn bán nhưng nay trục xuất giáo sĩ, bài trừ những người Pháp thế lực dẫn đến xung đột Pháp - Việt.

Trong thời gian vua Minh Mạng tại vị, người Pháp nhiều lần sai sứ thần đến Việt Nam yêu cầu Việt Nam thi hành nghĩa vụ điều ước và ký kết các thỏa hiệp buôn bán nhưng bị vua Minh Mạng kịch liệt khước từ. Chỉ khi nào điều ước Pháp Việt đồng minh được ký kết, nước Pháp mới có cơ hội đặt chân vào xứ sở An Nam, Nguyễn Phúc Ánh nhận viện trợ của Pháp không khác gì dẫn sói vào nhà, bán đảo Nam Trung Hoa từ đó gặp nhiều điều rắc rối, chiến dịch Trung-Pháp-Việt ở cuối đời Thanh đã bắt đầu từ lúc này.

N D C dịch

CHÚ THÍCH

- (20) Ôn Diệp Quân Sơn. Dẫn Đào dịch và hiệu đính. *Thanh triều toàn sử* (Đài Bắc: Trung Hoa thư cục, 9/1960) tr. 93.
- (21) Theo hồ sơ Nguyễn Hữu Định, còn tấu triệp của đốc phủ Thanh triều và thư của quan lại thì viết là Nguyễn Tiến Định, *Đại Nam thực lục* viết là “cai đội Nguyễn Hữu Định”, ở đây theo *Đại Nam thực lục*.
- (22) *Cung trung đáng*, hòm 2712, bao 50, hiệu 6175. Gia Khánh 6, ngày 17 tháng Chín, tấu triệp của Cát Khánh.
- (23) *Cung trung đáng*, hòm 2712, bao 52, hiệu 6722. Gia Khánh 6, ngày 20 tháng Một, tấu triệp của Cát Khánh.
- (24) Trần Uy Tín. *Việt Nam quốc hiệu khảo* (Đông Nam Á học báo, Đệ nhất quyển, kỳ thứ 2, 9/1965), tr. 16.
- (25) Thịnh Khánh Phát. *Việt Nam địa dư đồ thuyết*, xem *Tiểu Phương Hồ Trai dư địa từng sao*, tập 10, tr. 111 “Việt Nam đổi Thăng Long [昇龍] thành Thăng Long [昇隆] tháng Tám năm Gia Khánh 10”.
- (26) *Thanh sử cáo*, Thuộc quốc truyện, tr. 1654.
- (27) *Đại Nam thực lục*, Chính biên, quyển 170, tr. 21. Gia Long nguyên niên, ngày Canh Thân, tháng Sáu, Nguyễn Phúc Ánh hạ chiếu bố cáo trong ngoài. Lại cứ theo người đầu mục giữ cửa quan châu Văn Uyên tên là Lương Vinh Đạt (梁榮達) thì Nguyễn Quang Toàn vào ngày 17 bị bắt ở Thống Xồm (埗毬). Ngày 18, Nguyễn Phúc Ánh vào Thăng Long. Thịnh Khánh Phát trong *Việt Nam địa dư đồ thuyết* đã nhầm là Nguyễn Quang Toàn thua chạy rồi tự sát.
- (28) Thịnh Khánh Phát. *Việt Nam địa dư đồ thuyết*, xem *Tiểu Phương Hồ Trai dư địa từng sao*, tập 10, tr. 113.
- (29) *Cung trung đáng*, hòm 2712, bao 61, hiệu 8845. Ký tín thượng dụ ngày mồng 6 tháng Tám Gia Khánh 7.
- (30) *Thượng dụ đáng* (Đài Loan: Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện). Gia Khánh thất niên, ngày 18 tháng Chạp, ký tín thượng dụ.
- (31) *Thanh Nhân Tông Duệ Hoàng Đế thực lục*, quyển 106, trang 25. Gia Khánh thất niên ngày Đinh Ty, tháng Chạp.
- (32) Trần Uy Tín. *Việt Nam quốc hiệu khảo* (Đông Nam Á học báo, Đệ nhất quyển, kỳ thứ 2, 9/1965), tr. 16.
- (33) *Đại Nam thực lục*, Chính biên, quyển 23, tr. 2.
- (34) *Minh Thanh sử liệu*, Canh biên, Đệ tam bản, trang 219. Lời tâu của Bộ Lễ về việc ban thưởng cho bồi thần Việt Nam đến kinh đô.
- (35) *Thượng dụ đáng* ngày 12 tháng Hai năm Gia Khánh 9. Danh sách người An Nam.
- (36) Ngô Tuấn Tài. *Đông Nam Á sử*, (Đài Bắc: Trung Hoa văn hóa xuất bản sự nghiệp ủy viên hội, 1963) tr. 96.